

Ngày 29-9-2023

V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Ông Nguyễn Văn Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 147/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc “Yêu cầu ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXX-ST ngày 25 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1988, vắng mặt.

Địa chỉ: 192 khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2023, bản khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Võ Ngọc H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà H với ông M chung sống như vợ chồng vào năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, giấy đăng ký kết hôn số 211 ngày 11/11/2013 do ủy ban nhân dân thị trấn Đ cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại khu phố P, thị trấn Đ. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào khoảng thời gian năm 2020, nguyên nhân do không hợp nhau, mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể sống chung nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay.

Về con chung có 02 người tên Nguyễn Võ Kim P, sinh ngày 01/12/2013 và Nguyễn Võ Hoàng P, sinh ngày 23/8/2015, hiện nay đang sống cùng bà H.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Nay, bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình M; Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đình M vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được ông M nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của ông M đối với yêu cầu của bà H.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

[1]*Về tố tụng*: Bà Võ Ngọc H yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Đình M có đăng ký thường trú thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông M được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]*Về hôn nhân*: Hôn nhân giữa bà H với ông M là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà H với ông M xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, theo bà H là do vợ chồng không hợp nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân, vợ chồng có hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Từ ngày thụ lý yêu cầu của bà H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông M không đến Tòa án, không cung cấp bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện ông M có đăng ký thường trú và đang sống ở địa phương, nhưng không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng phải qua niêm yết, ông M không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy ông M không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Võ Ngọc H.

[3]*Về nuôi con chung*: Có 2 người Nguyễn Võ Kim P, sinh ngày 01/12/2013 và Nguyễn Võ Hoàng P, sinh ngày 23/8/2015, hiện nay đang sống cùng bà H, tình trạng sức khỏe bình thường. Bà H có đủ điều kiện nuôi con chung, nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, tạm thời bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Ngọc H, bà H được ly hôn với ông Nguyễn Đình M.

2/- *Về con chung*: Bà Võ Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Võ Kim P, sinh ngày 01/12/2013 và Nguyễn Võ Hoàng P, sinh ngày 23/8/2015, bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà H, ông M đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, ông M có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

3/- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4/- *Về án phí*: Bà Võ Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010386 ngày 07/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ; ông Nguyễn Đình M không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- UBND thị trấn Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tiến